



TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã Môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
<b>II.2.1</b>	<b>Kiến thức bắt buộc</b>	<b>Compulsory</b>			<b>11</b>								
21	Kinh tế thương mại dịch vụ	Economic-Commerce-Service	LSCU102	Logistics và Chuỗi cung ứng	3	3							
22	Quản trị chuỗi cung ứng	Supply Chain Management	LSCU101	Logistics và Chuỗi cung ứng	3		3						
23	Quản trị tài chính doanh	Financial Management	ACC103	Tài chính	3			3					
24	Ứng dụng toán trong logistics	Applications of Mathematics in Logistics	LSCU204	Logistics và Chuỗi cung ứng	2				2				
<b>II.2.2</b>	<b>Kiến thức tự chọn</b>	<b>Elective Units</b>			<b>4</b>				<b>4</b>				
25	<i>Nghiệp vụ Xuất Nhập khẩu</i>	<i>Import and Export Operations</i>	<i>LSEU205</i>	<i>Logistics và Chuỗi cung ứng</i>	<i>2</i>				<i>2</i>				
26	<i>Lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế</i>	<i>International Trade: Theory and Policy</i>	<i>BAEU307</i>	<i>Quản trị kinh doanh</i>	<i>2</i>				<i>2</i>				
27	<i>Quản trị nguồn nhân lực logistics</i>	<i>Human Resource Management in Logistics</i>	<i>LSEU206</i>	<i>Logistics và Chuỗi cung ứng</i>	<i>2</i>				<i>2</i>				
28	<i>Tiếng anh chuyên ngành logistics</i>	<i>English for Logistics</i>	<i>LSEU207</i>	<i>Logistics và Chuỗi cung ứng</i>	<i>2</i>				<i>2</i>				
<b>II.3</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>Core Units</b>			<b>54</b>								
<b>II.3.1</b>	<b>Kiến thức bắt buộc</b>	<b>Compulsory</b>			<b>50</b>								
29	Quản trị kinh doanh thương mại	Commercial Business Management	LSCU210	Logistics và Chuỗi cung ứng	2				2				
30	Quản trị logistics căn bản	Fundamentals of Logistics Management	LSCU208	Logistics và Chuỗi cung ứng	3				3				
31	Kinh doanh dịch vụ logistics	Business in Logistics	LSCU311	Logistics và Chuỗi cung ứng	3					3			
32	Quản trị doanh nghiệp logistics	Logistics Business	LSCU312	Logistics và Chuỗi cung ứng	3					3			
33	Quản trị Cảng biển trong hệ thống logistics	Port Management in the Logistics System	LSCU319	Logistics và Chuỗi cung ứng	2					2			
34	Định mức kinh tế- kỹ thuật trong kinh doanh dịch vụ logistics	Economic-technical norms in logistics service business	LSCU314	Logistics và Chuỗi cung ứng	3					3			
35	Hoạt động logistics và Thương mại doanh nghiệp	Logistics and Business Operations	LSCU313	Logistics và Chuỗi cung ứng	3						3		
36	Kinh doanh kho và bao bì trong logistics	Warehouse and Packaging Business in Logistics	LSCU315	Logistics và Chuỗi cung ứng	3						3		
37	Nghiệp vụ Hải quan	Customs Operations	LSCU317	Logistics và Chuỗi cung ứng	3						3		
38	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	ACC401	Kế toán	3						3		
39	Hệ thống thông tin quản lý trong logistics	Management Information Systems in Logistics	LSCU318	Logistics và Chuỗi cung ứng	3						3		
40	Đề án chuyên ngành Logistics và chuỗi cung ứng	Scheme of Logistics and Supply Chain	LSCM324	Logistics và Chuỗi cung ứng	2						2		

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã Môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
41	Giao dịch và đàm phán kinh doanh logistics	Transactions and Negotiations in Logistics	LSCU316	Logistics và Chuỗi cung ứng	3							3	
42	Pháp luật về Logistics	Logistic law	LSCU209	Logistics và Chuỗi cung ứng	3							3	
43	Hàng hóa và thương hiệu trong logistics	Goods and Brands in Logistics	LSCU420	Logistics và Chuỗi cung ứng	3							3	
44	Nghiệp vụ vận tải và Giao nhận hàng hóa quốc tế	Logistics and International Freight Forwarding	LSCU421	Logistics và Chuỗi cung ứng	3							3	
45	Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp logistics	Business Strategy in Logistics	LSCU422	Logistics và Chuỗi cung ứng	3							3	
46	Quản trị Vận tải đa phương thức	Multimodal Transport management	LSCU423	Logistics và Chuỗi cung ứng	2							2	
<b>II.3.2</b>	<b>Kiến thức tự chọn</b>	<b>Elective Units</b>			<b>4</b>					<b>4</b>			
47	<i>Phát triển hệ thống logistics</i>	<i>Logistics System Development</i>	<i>LSEU325</i>	<i>Logistics và Chuỗi cung ứng</i>	<i>2</i>					<i>2</i>			
48	<i>Thanh toán quốc tế</i>	<i>International Payment</i>	<i>BAIB406</i>	<i>Tài chính</i>	<i>2</i>					<i>2</i>			
49	<i>Logistics quốc tế</i>	<i>International Logistics</i>	<i>LSEU327</i>	<i>Logistics và Chuỗi cung ứng</i>	<i>2</i>					<i>2</i>			
50	<i>An toàn và vệ sinh lao động trong logistics</i>	<i>Occupational Safety and Health in Logistics</i>	<i>LSEU328</i>	<i>Logistics và Chuỗi cung ứng</i>	<i>2</i>					<i>2</i>			
<b>II.4</b>	<b>Thực tập và học phần tốt nghiệp</b>	<b>Internship and Graduation Thesis</b>			<b>10</b>								
51	Thực tập tốt nghiệp	Graduation internship	GILS421	Logistics và Chuỗi cung ứng	3								3
52	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Thesis		Logistics và Chuỗi cung ứng	7								7
<b>II.5</b>	<b>Tổng cộng (I + II)</b>				<b>130</b>	<b>15</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>19</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>10</b>